

Số: 6228 /QĐ-UBND-TCKH

Hóc Môn, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024
cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định
số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài
chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp
công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ
Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch
tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu thu - chi ngân sách
nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn Khóa XI, tại kỳ họp thứ Mười về việc phê
chuẩn dự toán thu - chi, phân bổ ngân sách huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4086/QĐ-UBND-TCKH ngày 11 tháng 8 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài
chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các trường Trung học cơ sở và Trung tâm
Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 4122/QĐ-UBND-TCKH ngày 16 tháng 8 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài chính
giai đoạn 2023 – 2025 cho các trường thuộc khối Tiểu học trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 4323/QĐ-UBND-TCKH ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài
chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các trường Mầm non;



Căn cứ Quyết định số 8715/QĐ-UBND-TCKH ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2024 – 2025 cho Trường Mầm non Cúc Hoa Mi;

Căn cứ Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình liên phòng số 2966/TCKH-GDDT ngày 21 tháng 12 năm 2023 về phương án phân bổ dự toán sự nghiệp giáo dục năm 2024 và Tờ trình liên phòng số 2766/TTr-TCKH-GDDT ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc bổ sung dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện, cụ thể như sau:

Tổng dự toán cấp bổ sung, số tiền: 16.174.377.516 đồng (Bằng chữ: Mười sáu tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười sáu đồng), trong đó:

- Kinh phí chi thường xuyên (giao tự chủ), **số tiền: 16.073.755.516 đồng;**
- Kinh phí chi thường xuyên (giao không tự chủ), **số tiền: 100.622.000 đồng.**
- Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2024 (đã phân bổ dự toán cấp 1 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện).

(Chi tiết đơn vị theo biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc huyện được bổ sung dự toán thực hiện việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hóc Môn, Thủ trưởng các đơn vị được bổ sung dự toán và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT.UBND huyện;
- VP.HĐND-UBND: CVP;
- Lưu: VT, P.TCKH (Thành).

CHỦ TỊCH



Dương Hồng Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 6228 /QB-UBND-TCKH ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: vnd

STT	Mã đơn vị QHNS	Tên đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 13)	Kinh phí chi khen thưởng (nguồn 12)	Tổng kinh phí chi thường xuyên giao bổ sung (nguồn 12+13)
TỔNG CỘNG (I + II +III)			16.073.755.516	100.622.000	16.174.377.516
I	KHOI MÀM NON (KHOẢN 071)		4.741.815.517	0	4.741.815.517
1	1030030	MN Tân Hoà	181.952.654	0	181.952.654
2	1080923	MN Tân Hiệp	157.228.896	0	157.228.896
3	1068131	MN Nhị Xuân	20.498.375	0	20.498.375
4	1068133	MN Bé Ngoan	138.487.156	0	138.487.156
5	1068134	MN Sơn Ca	345.442.635	0	345.442.635
6	1068126	MN Bà Điểm	207.031.323	0	207.031.323
7	1044707	MN Bông Sen	210.270.218	0	210.270.218
8	1044706	MN Tân Xuân	166.741.195	0	166.741.195
9	1044708	MN 23/11	124.968.915	0	124.968.915
10	1069480	MN 2/9	216.701.461	0	216.701.461
11	1069698	MN 19/8	149.023.908	0	149.023.908
12	1069644	MN Bé Ngoan 1	311.287.644	0	311.287.644
13	1069645	MN Bé Ngoan 3	244.083.092	0	244.083.092
14	1069647	MG Bông Sen 1	281.272.125	0	281.272.125
15	1068130	MN Sơn Ca 3	248.078.472	0	248.078.472
16	1114967	MN Xuân Thới Đông	211.038.158	0	211.038.158
17	1129230	MN Xuân Thới Thượng	392.764.197	0	392.764.197
18	1130499	MN Mỹ Hòa	96.473.927	0	96.473.927
19	1132785	MN Cúc Họa Mi	1.038.471.166	0	1.038.471.166
II	KHOI TIỂU HỌC (KHOẢN 072)		5.159.990.558	0	5.159.990.558
1	1044447	Nguyễn An Ninh	708.843.333	0	708.843.333
2	1044449	Thới Tam	47.108.542	0	47.108.542
3	1044446	Tam Đông	373.111.868	0	373.111.868
4	1051124	Tam Đông 2	(49.490.810)	0	(49.490.810)
5	1051121	Mỹ Huệ	115.919.501	0	115.919.501
6	1051123	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	(498.871.681)	0	(498.871.681)
7	1051116	Mỹ Hòa	42.275.899	0	42.275.899
8	1066083	Ấp Đình	247.448.771	0	247.448.771
9	1066084	Tân Hiệp	140.138.077	0	140.138.077
10	1066079	Cầu Xáng	(15.471.162)	0	(15.471.162)

STT	Mã đơn vị QHNS	Tên đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 13)	Kinh phí chi khen thưởng (nguồn 12)	Tổng kinh phí chi thường xuyên giao bổ sung (nguồn 12+13)
11	1070230	Tây Bắc Lân	724.453.150	0	724.453.150
12	1070223	Lý Chính Thắng 2	170.689.035	0	170.689.035
13	1070224	Nhị Tân	96.140.091	0	96.140.091
14	1012081	Ngã Ba Giồng	472.933.343	0	472.933.343
15	1012073	Hoàng Hoa Thám	220.533.057	0	220.533.057
16	1012132	Thới Thạnh	658.839.302	0	658.839.302
17	1012134	Dương Công Khi	(91.662.282)	0	(91.662.282)
18	1072948	Võ Văn Thặng	201.078.189	0	201.078.189
19	1072950	Bùi Văn Ngừ	311.329.011	0	311.329.011
20	1072943	Trương Văn Ngải	161.182.340	0	161.182.340
21	1072944	Nhị Xuân	365.868.094	0	365.868.094
22	1072938	Xuân Thới Thượng	145.421.384	0	145.421.384
23	1018350	Tân Xuân	313.556	0	313.556
24	1037371	Trần Văn Mười	319.643.546	0	319.643.546
25	1086070	Trần Văn Danh	72.159.591	0	72.159.591
26	1120756	Nguyễn Thị Núi	220.056.813	0	220.056.813
III	KHOẢNG TRUNG HỌC CƠ SỞ (KHOẢNG 073)		6.171.949.441	100.622.000	6.272.571.441
1	1035852	Nguyễn An Khương	36.848.546	0	36.848.546
2	1035853	Nguyễn Thị Minh Khai	239.053.826	0	239.053.826
3	1035854	Tam Đông 1	343.543.544	2.492.000	346.035.544
4	1035848	Hà Huy Tập	700.466.337	26.902.000	727.368.337
5	1035849	Đông Thạnh	339.251.095	16.064.000	355.315.095
6	1035851	Nguyễn Hồng Đào	305.439.123	4.598.000	310.037.123
7	1035847	Đặng Công Bình	203.918.707	0	203.918.707
8	1035774	Phan Công Hớn	(141.950.094)	0	(141.950.094)
9	1035773	Đỗ Văn Dậy	60.957.420	0	60.957.420
10	1035775	Tân Xuân	0	13.290.000	13.290.000
11	1035771	Xuân Thới Thượng	568.405.150	16.766.000	585.171.150
12	1114902	Tô Ký	557.854.894	20.510.000	578.364.894
13	1129253	Nguyễn Văn Bứa	(179.598.320)	0	(179.598.320)
14	1130533	Đặng Thúc Vịnh	990.836.654	0	990.836.654
15	1131337	Bùi Văn Thủ	2.146.922.559	0	2.146.922.559